

Số: 66 /TB-HĐXT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và triệu tập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức vòng 2 tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-SYT ngày 08/4/2026 về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức đối với Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025;

Hội đồng xét tuyển viên chức thông báo kết quả Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và triệu tập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức vòng 2 tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển

1.1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức vòng 2 tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025 (Danh sách tại Biểu 1 gửi kèm theo).

1.2. Danh sách thí sinh không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức vòng 2 tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025 (Danh sách tại Biểu 2 và phiếu đăng ký dự tuyển đã nộp phôi gửi kèm theo).

2. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức vòng 2 tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương năm 2025 (theo danh sách tại Biểu 1 gửi kèm theo).

2.1. Phổ biến nội quy xét tuyển

- Thời gian: 08h 00' ngày 21 tháng 4 năm 2026 (thứ ba).

- Địa điểm: Hội trường Trụ sở chính Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương, địa chỉ: Số 93 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

2.2. Tổ chức xét tuyển vòng 2

- Hình thức: Thi vấn đáp để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của thí sinh theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian: 8h 00' ngày 22 tháng 4 năm 2026 (thứ tư).

- Địa điểm: Hội trường Trụ sở chính Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương, địa chỉ: Số 93 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

Đề nghị các thí sinh có tên trong danh sách có mặt trước 30 phút để chuẩn bị các thủ tục cần thiết trước khi tham gia kiểm tra sát hạch. Khi đi mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước hoặc các giấy tờ tùy thân khác có ảnh để kiểm tra, đối chiếu.

2.3. Danh mục tài liệu hướng dẫn ôn tập vòng 2

Các thí sinh tham dự xét tuyển vòng 2 chủ động tra cứu danh mục tài liệu ôn tập để tự ôn tập (Có danh mục tài liệu ôn tập kèm theo).

Hội đồng thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các thí sinh dự tuyển;
- Các TV HĐXT, BGS;
- Đảng công TTĐT SYT;
- TTNDCTXH Hải Dương;
- Lưu: VT, TCHC (B.T.C.T 5b).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nhữ Hữu Nhuận

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG BẢO TRỢ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 66/TB-HĐXT ngày 14/4/2026 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

| STT SBD | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|------------|--------------------------------|---------------------|------------|---|-------------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| I. | Vị trí Công tác xã hội viên | | | | | | | |
| 01 | Vũ Thị Thu Hiền | | 25/11/2002 | 136 Tổng Duy Tân, phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng | 030302005941 | Cử nhân Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | |
| 02 | Vũ Hương Trà Mi | | 18/06/2001 | 20 Quyết Thắng, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng | 03031002298 | Cử nhân Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | |
| 03 | Lê Thị Hồng | | 8/10/1992 | Xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên | 038192025282 | Cử nhân xã hội học, Cử nhân Giáo dục tiểu học | Công tác xã hội viên | |

| STT SBD | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Đổi tượng ưu tiên |
|-------------|---|---------------------|------------|--|-------------------------|--|----------------------------|-------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> | <i>8</i> | <i>9</i> |
| II. | Vị trí Điều dưỡng hạng III | | | | | | | |
| 01 | Nguyễn Thị Phương Thảo | | 13/10/1999 | Thôn Lôi Xá, xã Tuệ Tĩnh, Thành phố Hải Phòng | 033199001299 | Cử nhân Điều dưỡng (Đại học) | Điều dưỡng hạng III | |
| III. | Vị trí Dược hạng IV | | | | | | | |
| 01 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | | 1/9/2003 | 78 Giải Phóng- Phường Trần Nhân Tông- Thành phố Hải Phòng | 030303010336 | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | |
| IV. | Vị trí Chuyên viên về tổng hợp | | | | | | | |
| 01 | Phạm Thảo Nguyên | | 16/1/2002 | 18/106 Nguyễn Lương Bằng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng | 030302005937 | Cử nhân Luật Kinh tế | Chuyên viên về tổng hợp | |
| | Vị trí Kế toán | | | | | | | |

| STT SBD | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Đổi trọng ưu tiên |
|------------|--|---------------------|-----------|--|-------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | viên (hạng III) | | | | | | | |
| 01 | Nghiêm Thị Thúy | | 6/11/1987 | Phường Thành Đông, thành phố Hải Dương | 03187023651 | Cử nhân Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | |
| VI. | Vị trí Chăm sóc dinh dưỡng (hạng III) | | | | | | | |
| 01 | Dương Thị Thanh Huyền | | 5/12/1991 | Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Dương | 030191001608 | Cử nhân Công tác xã hội | Chăm sóc dinh dưỡng (hạng III) | |
| 02 | Nguyễn Thị Vân | | 13/8/1981 | Số 48/106 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng | 030181005238 | Cử nhân ngành Du lịch học, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc dinh dưỡng (hạng III) | |
| 03 | Vũ Thị Thanh Loan | | 8/11/1986 | 46 phố Hàm Nghị, phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng | 030186015563 | Cử nhân Kế toán, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc dinh dưỡng (hạng III) | |

| STT SBD | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|-------------|---|---------------------|------------|--|-------------------------|---|--|-------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 04 | Đặng Thị Thu Thoan | | 13/3/1982 | Số 72/296, Điện Biên Phủ, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng | 030182018654 | Cử nhân Quản trị Kinh doanh, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc dinh dưỡng (hạng III) | |
| VII. | Vị trí chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng III) | | | | | | | |
| 01 | Vũ Thị Thuý Nga | | 2/5/1979 | Xã Kê Sặt, thành phố Hải Phòng | 030179020580 | Cử nhân Kế toán, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng III) | |
| 02 | Nguyễn Thị Thanh Nhài | | 01/10/1983 | Xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng | 030183005687 | Cử nhân Quản lý Kinh tế, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng III) | |
| 03 | Đào Thị Thuý | | 05/03/1986 | Thôn Vô Lượng, xã Yết Kiêu, Thành phố Hải Phòng | 033186011446 | Cử nhân Kế toán, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng III) | |

| STT SBD | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Đổi trọng ưu tiên |
|------------|--|---------------------|------------|---|-------------------------|---|---|-------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| VIII. | Vị trí chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng IV) | | | | | | | |
| 01 | Nguyễn Văn Chữ | 25/6/1985 | | Số 150 Bình Lâu, tổ Dân số 36, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng | 030085009831 | Trung cấp Kế toán, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghệ vụ công tác xã hội | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng IV) | |
| 02 | Vũ Thị Ánh Nguyệt | | 14/06/1990 | Xã Lạc Phương, Thành phố Hải Phòng | 030190012400 | Cao đẳng Kế toán, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghệ vụ công tác xã hội; | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng IV) | |
| 03 | Vũ Thị Thuý | | 14/4/1982 | 12/15 Nguyễn Đại Năng, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng | 030182022506 | Cao đẳng Sư phạm tiểu học, có chứng chỉ Bồi dưỡng nghệ vụ công tác xã hội | Chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng IV) | |

Tổng: 17 thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức vòng 2

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Biểu 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG BẢO TRỢ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 66 /TB-HĐXT ngày 14/4/2026 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi đăng ký thường trú | Mã định danh cá nhân | Trình độ chuyên môn (đảm bảo đủ các thông tin theo thông báo tuyển dụng) | Vị trí dự tuyển | Lý do không đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 |
|-----|----------------|---------------------|----|---|----------------------|--|--|---|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Lê Công Phát | 16/5/1977 | | 15/124/55 Đức Minh, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng | 030077000834 | Cao đẳng Dược, Sơ cấp công tác xã hội | Dược hạng IV +Nhân viên công tác xã hội (hạng III) | Phiếu dự tuyển 02 vị trí việc làm, tên 01 vị trí việc làm không đúng theo thông báo tuyển dụng, phiếu đăng ký dự tuyển không ký tên người viết phiếu; |
| 2 | Đình Mạnh Hùng | 23/6/1995 | | Tổ 6, TDP Khu 34, phường Đa Mai, Tỉnh Bắc Ninh | 024095010718 | Cử nhân Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | Phiếu ghi đơn vị dự tuyển không chính xác: TT nuôi dưỡng TTXH Hải Dương. |

Tổng: 02 thí sinh không đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức vòng 2

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

**DANH MỤC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÒNG 2 KỲ XÉT
TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG
BẢO TRỢ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Thông báo số: 66/TB-HĐXT ngày 14/4/2026 của
Hội đồng xét tuyển viên chức)*

I. DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP CHUNG:

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội; Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

2. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

3. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

4. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

B. DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP RIÊNG CHO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

I. Vị trí việc làm Công tác xã hội viên (hạng III)

- Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ quy định về công tác xã hội;

- Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/2/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

- Thông tư số 26/2022/TT-BNV ngày 12/2/2022 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội.

II. Vị trí việc làm điều dưỡng (hạng III)

- Thông tư số 07/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế;

- Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

III. Vị trí việc làm được (hạng IV)

- Thông tư số 07/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

IV. Vị trí việc làm chuyên viên về tổng hợp (hạng III)

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ;

- Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

V. Vị trí việc làm kế toán viên (hạng III)

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

- Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

VI. Vị trí việc làm chăm sóc dinh dưỡng (hạng III)

- Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ quy định về công tác xã hội;

- Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/2/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội

- Thông tư số 26/2022/TT-BNV ngày 12/2/2022 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội;

VII. Vị trí việc làm chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng III)

- Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ quy định về công tác xã hội;

- Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/2/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

- Thông tư số 26/2022/TT-BNV ngày 12/2/2022 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội.

VII. Vị trí việc làm chăm sóc trực tiếp đối tượng (hạng IV)

- Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ quy định về công tác xã hội;

- Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/2/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

- Thông tư số 26/2022/TT-BNV ngày 12/2/2022 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội.

